

LUẬN VỀ KINH PHẬT ĐỊA QUYỂN 7

Kinh: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói tụng”.

Luận: Sẽ nói bốn bài tụng thâm nhiếp chung các nghĩa trên. Hiện bày giản lược về tướng pháp giới thanh tịnh của Phật địa.

Tất cả công đức hữu vi-vô vi trong địa Như Lai đều được pháp giới thanh tịnh thâm nhiếp-gìn giữ, đều là tướng của pháp giới thanh tịnh. Tướng năng-tướng sở đều gọi là tướng không phân biệt gì.

Trong bốn bài tụng, ba tụng rưỡi trước hiển bày riêng biệt về tướng đó, nửa tụng sau là phần tổng kết.

Trong phần hiển bày riêng biệt về tướng (Ba tụng rưỡi), có nghĩa: Trong ấy, nửa tụng đầu là chỉ rõ về pháp giới thanh tịnh, nửa tụng tiếp theo là chỉ rõ về trí Đại viên cảnh, nửa tụng tiếp là chỉ rõ về trí Bình đẳng tánh, nửa tụng tiếp là chỉ rõ về trí Diệu quán sát, nửa tụng kế là chỉ rõ về trí Thành sở tác. Một nửa tụng tiếp là chỉ rõ về công đức quyền thuộc của bốn trí. Phần nửa tụng sau là chỉ rõ về năm pháp tạo thành ba thân khác nhau. Lại có nghĩa là chỉ rõ pháp giới thanh tịnh, có sáu tướng thâm nhiếp tổng quát tất cả công đức của Phật địa. Nghĩa là tướng tự tánh, tướng nhân, tướng quả, hoặc tướng tác nghiệp, hoặc tướng tương ứng, hoặc tướng sai biệt. Nếu như theo thứ tự thì tướng đầu tiên có một tụng, các tướng còn lại đều có phân nửa tụng.

Kinh: “Tất cả pháp Chân như,
Tướng thanh tịnh hai chướng”.

Luận: Có nghĩa đây là làm sáng tỏ pháp giới thanh tịnh. Tức là hết thảy pháp, tánh là Không-Vô ngã, đã làm sáng tỏ Chân như, vĩnh viễn tách lìa hai chướng, bản tánh là thanh tịnh. Nay lại xa lìa sự cấu nhiễm, cho nên có khả năng làm nơi nương tựa cho mọi pháp thiện, vì vậy gọi là pháp giới thanh tịnh.

Tất cả pháp, nghĩa là các pháp uẩn-xứ-giới hữu lậu-vô lậu... của

thế gian và xuất thế gian.

Chân như tức là tánh chân thật của các pháp, không có tánh điên đảo, cùng với tất cả pháp, không một, không khác. Thể chỉ là một vị, tùy thuộc vào tướng phần cho nên có nhiều hoặc nói hai loại: Nghĩa là Sinh Không vô ngã-Pháp Không vô ngã. Chân như thật sự không phải là tánh Không-Vô ngã, vì lìa mọi phân biệt, dứt tuyệt mọi hý luận, chỉ do tu tập pháp quán Không-Vô ngã, đập tắt chướng ngại của Chân như, diệt tướng ngã chấp-ngã sở mà chứng đắc cho nên gọi là Không-Vô ngã. Hoặc nói có ba loại, nghĩa là thiện-bất thiện-vô ký. Chân như là tánh chân thật của ba pháp này. Hoặc nói bốn loại, tức là hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc ba cõi. Chân như là tánh chân thật của bốn pháp ấy. Hoặc nói có năm thức, nghĩa là Chân như tâm, nói rộng cho đến Chân như vô vi, cũng là tánh chân thật của năm pháp. Hoặc nói sáu loại, nghĩa là Chân như của sắc, nói rộng cho đến Chân như vô vi. Năm uẩn vô vi là tánh chân thật. Hoặc nói bảy loại:

1. Chân như lưu chuyển: Nghĩa là thật tánh của tất cả các hành lưu chuyển từ đời vô thủy đến nay.

2. Chân như thật tướng: Nghĩa là thật tánh của tất cả các pháp là hai Không-Vô ngã được hiển bày.

3. Chân như duy thức: Nghĩa là thật tánh của tất cả các pháp chỉ là Thức.

4. Chân như an lập: Nghĩa là thật tánh của pháp hữu lậu là Khổ đế.

5. Chân như tà hạnh: Nghĩa là thật tánh của nghiệp phiền não là Tập đế.

6. Chân như thanh tịnh: Nghĩa là thật tánh của vô vi thiện là Diệt đế.

7. Chân như chánh hạnh: Nghĩa là thật tánh của các pháp thiện hữu vi-vô lậu, là Đạo đế.

Hoặc nói tám loại: Nghĩa là không sinh-không diệt, không đoạn-không thường, không một-không khác, không đến, không đi. Tám môn tướng loại trừ đó đã làm sáng tỏ Chân như.

Hoặc nói chín loại: Nghĩa là chín phẩm đạo dứt trừ chín loại chướng ngại mà làm sáng tỏ Chân như.

Hoặc nói mười loại: Nghĩa là ở mười địa loại trừ mười loại vô minh mà làm sáng tỏ Chân như, tức là mười pháp giới, như luận Nhiếp Đại Thừa đã biện minh rộng về tên gọi và hình tướng. Như vậy, cứ thêm số lên cho đến vô cùng tận.

Hết thấy pháp môn đều là tướng khác nhau của Chân như, nhưng Thể của Chân như thì không phải một, không phải nhiều. Phân biệt, diễn tả đều không thể biện luận được. Nó đã lia bỏ mọi điên đảo hư vọng, giả gọi là Chân như. Vì có khả năng làm nơi nương tựa cho tất cả pháp thiện. Giả gọi là pháp giới, vì xa rời mọi hủy báng về tổn giảm, giả gọi là Thật hữu. Vì lia mọi bài báng về tăng ích, giả gọi là Không. Chẳng có gì phân tích suy tìm các pháp chỉ là hư giả, cùng cực đến nơi cùng cực ấy lại không thể vượt qua nữa, chỉ ở đây là Chân giả gọi là Thật tế. Là cảnh giới tối thắng vô phân biệt mà trí tuệ bậc Thánh đã chứng đắc, giả gọi là Thắng nghĩa. Nói rộng như vậy.

Nói hai chương:

1. Chương phiền não.
2. Chương sở tri.

Não loạn thân-tâm khiến mà không thể tĩnh lặng, gọi là chương phiền não. Che lấp cảnh giới đã được nhận biết, làm cho tánh không điên đảo không hiển hiện được, gọi là chương sở tri.

Chương phiền não: Nghĩa là chấp thật ngã, Tát-ca-da-kiến (Thân kiến) là đứng đầu làm chủ một trăm hai mươi tám căn bản phiền não và tùy phiền não. Hoặc là nghiệp đã phát khởi, hoặc là quả báo đã thọ nhận đều được thâu nhiếp trong phiền não, đều lấy phiền não làm căn bản.

Chương sở tri: Nghĩa là nắm giữ các pháp trong biến kế sở chấp, Tát-ca-da-kiến (Thân kiến) là đứng đầu. Hết thấy các tâm-tâm pháp như vô minh-ái-giận dữ... hiện có cùng nghiệp đã phát khởi, quả báo đã thọ nhận, đều được thâu nhiếp trong đó, đều lấy pháp chấp và vô minh... làm căn bản.

Có nghĩa: Pháp chấp và vô minh... có mặt khắp hết thấy các pháp thiện-ác-vô ký. Phẩm tâm hữu lậu cùng với phẩm tâm vô lậu của Nhị Thừa đều không thấu đạt về pháp vô ngã, mà đều giống như tướng phần-kiến phần dấy khởi, có nghĩa chỉ ở trong phẩm tâm bất thiện-vô ký hữu lậu. Luận Du Già Sư Địa nói:

Các vô minh chỉ có hai loại:

1. Bất thiện.
2. Vô ký.

Lại có hai loại:

1. Nhiễm ô.
2. Không nhiễm ô.

Không nói có thiện, không thể không có thiện, vì tâm thiện tương

ứng, vì trái ngược với tánh.

Lại nữa, phẩm tâm thiện nhất định tương ứng với thiện căn không si. Si tức là vô minh, không thể một tâm mà có si-không si, cũng như tham-không tham, sân-không sân... do không tương ứng.

Không thể có pháp chấp mà không cùng chung với si. Vì nếu không có vô minh thì không có chấp điên đảo. Như chấp có ngã thì nhất định có sự hiện diện của vô minh. Đây cũng phải như vậy.

Lại nữa, các tâm thiện với tính chất không mê chấp mà đều tin tưởng..., cùng thuận theo kiến giải vô ngã, làm phương tiện trước cho pháp quán hai Không. Không thể có pháp chấp dẫn đường cho pháp quán không, vì trong ngã chấp chưa từng thấy điều này. Vì vậy, tâm thiện hữu lậu-vô lậu quyết định không tương ứng với hai chấp vô minh-ái..., vì trái với giáo lý. Tất cả phẩm tâm dị thực-vô ký, cũng không có pháp chấp và vô minh...

Vì sức phân biệt yếu kém cho nên không thể giữ lấy. Nếu có chấp điên đảo thì trở thành pháp, ngã kiến, có thức A-lại-da cùng vô minh..., không thuận theo chỉ cùng tương ứng với năm pháp. Nhận thấy được vô minh..., đó là việc của tuệ...

Lại nữa, nếu thức này có pháp chấp, mà không có sự huân tập, thì thuận theo niệm niệm mà mất nếu không cần pháp đối trị thì trở thành lỗi lầm lớn, vì trong chương phiền não không có điều này.

Lại nữa, quán pháp Không vào lúc mới hiện tiền thì thức này phải đoạn bởi vì chương và đối trị trái ngược nhau chứ không đồng thời hiện hành.

Nếu như vậy, thì những chủng tử hữu lậu còn lại sẽ không có nơi nương tựa, các công đức đã tu tập sẽ không có huân tập vì không có huân tập, cho nên không thể nói huân tập trong gương trí tương ứng với Thức thanh tịnh, vì không phải là vô ký, cũng vì chưa chứng đắc.

Thức A-lại-da đã không có pháp chấp, thì quả dị thực trong chuyển thức còn lại, cũng phải có tánh đồng loại như vậy.

Cũng không có pháp chấp trong năm thức, vì không có tác dụng phân biệt mạnh mẽ, nhạy bén, vì không suy xét tìm tòi. Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Tâm có năng lực biến kế chỉ là Ý thức”. Nên biết năm thức không duyên với tự tánh của biến kế sở chấp. Nếu không có kiến giải phân biệt, không suy xét tìm tòi, thì không thể có ngã chấp, cho nên cũng không thể tính toán so sánh về các pháp. Nhưng do Ý thức ngã chấp-pháp chấp, khởi lên ái, giận..., dẫn dắt năm thức, trong đó, các thứ ái giận khởi hiện không thuộc về kiến chấp. Tuy không có kiến chấp

mà vẫn có các pháp yêu, giận vô minh..., mà thuộc về hai chương. Do đó, hai chấp phân biệt, suy tìm chỉ ở Thức thứ sáu và Thức thứ bảy. Nếu sự yêu-giận..., không thuộc về kiến chấp, thì không suy tìm, cũng ở tại năm thức. Thể của chương phiền não như các ngã chấp..., chỉ có trong hai tâm bất thiện hữu phú vô ký. Nếu pháp chấp... là thể của chương sở tri, thì cũng ở trong tâm vô phú vô ký, vì bậc Vô học của hàng Nhị thừa cũng còn hiện hành.

Trong phần vị Vô học, không có bất thiện hữu phú vô ký. Đây là căn cứ theo Nhị thừa thì gọi là vô phú. Nếu đối chiếu với Bồ-tát thì nhiệm ô, cũng gọi là hữu phú, mà chương sở tri cũng gọi là vô phú, cũng gọi là hữu phú. Một Thể hai tên, vì có sự so sánh riêng biệt.

Trong chương phiền não có chương sở tri. Đó là chỗ nó nương tựa thì chắc chắn chấp có pháp mà chấp ngã. Thể tuy không có hai, nhưng dụng có sai khác. Như thể của một thức nhận lấy cảnh thì nhiều dụng. Do thức này huân tập sinh ra một chủng tử, thể cũng có nhiều dụng. Khi khởi hiện, tuy cùng khởi mà dần dần đoạn tuyệt, vì uy lực của Thánh đạo có giới hạn mức độ. Nếu chương sở tri dựa theo Nhị thừa mà nói là vô phú vô ký, thì trong bốn loại vô ký thuộc về vô ký nào? Thuộc về dị thực sinh, vì từ thức dị thực mà sinh khởi. Nếu như vậy thì không phải là dị thực sinh? Như tăng thượng duyên, ngoài ra chỗ không thấu nhiếp đều thuộc về thức này. Oai nghi..., tâm không giữ lấy vững chắc, vì không phải là phổ biến, cho nên Thể không có hai chương. Nếu trong tâm là thiện, vô phú, vô ký, không có pháp chấp thì tại sao không thể thấu đạt pháp Không, cũng không có ngã chấp thì tại sao không thể thấu đạt sinh Không?

Pháp chấp này vì đã câu kết với ngã chấp trong Thức thứ bảy cho nên không thấu đạt về sinh Không. Cũng phải vì đã câu kết với pháp chấp trong Thức thứ bảy, cho nên không thông đạt về pháp Không.

Đã giống như tướng phần-kiến phần mà khởi hiện, tại sao không gọi là thuộc về pháp chấp?

Trí vô lậu..., của chư Phật và Bồ-tát cũng có hai phần, tại sao không phải là chấp? Vì vậy duyên sinh-tướng phần kiến phần đều thuộc về pháp Y tha khởi. Hoặc dựa trên pháp Y tha khởi này mà vọng chấp ngoài tâm. Hoặc trong định tánh có thì mới gọi là chấp, cho nên chương sở tri ở trong thức thứ bảy, phổ biến cùng một lúc với tâm ba tánh của sáu thức, chứ không phải là phẩm tương ưng.

Tạm thời dừng sự tranh biện rộng, mà cho nên trở lại giải thích về bản văn.

Tướng thanh tịnh, nghĩa là bản tánh của Chân như này luôn thanh tịnh, nhưng bị hai chướng che lấp. Như hư không trong sạch nhưng bị mây khói..., phủ mờ, che kín, mà giống như không trong sạch.

Đến khi chứng được đạo Chân như xuất thế gian, mới dần dần trừ khử hết thủy chủng tử hiện có của hai tướng này, giống như gió lớn thổi bạt mây khói..., Khi định Kim cang dụ hiển hiện trước mắt, thì diệt và lia hết mọi chủng tử của tất cả chướng, chứng được pháp giới thanh tịnh mà hoàn toàn chuyển y, gọi là tướng thanh tịnh.

Như vậy, đã làm sáng tỏ pháp giới thanh tịnh trong năm pháp trước.

Có nghĩa: Đây là hiển bày về và một phần tự tánh tướng thanh tịnh của pháp giới, tức là một phần tự tánh trong sáu tướng, vẫn được giải thích như trước.

Kinh: “*Pháp trí-sở duyên kia
Tướng tự tại vô tận*”.

Luận: Có nghĩa đây là hiển bày về pháp của trí Đại viên cảnh; tức là tánh Y tha khởi duyên pháp trong gương trí, gọi là pháp trí. Trí Đại viên cảnh cũng duyên với tánh Y tha khởi của thế tục mà hiện khởi hình bóng, nhưng không mê chấp trong hình bóng đó.

Sở duyên kia, kia nghĩa là Chân như chứ không phải là pháp trí kia, tuy vẫn còn câu cách biệt, nhưng thế của nghĩa luôn tương ứng, cho nên không có lỗi. Vì pháp trí dùng Chân như làm sở duyên cho nên gọi sở duyên là Chân như, không phải cho rằng pháp trí là đối tượng được duyên của Chân như.

Trí Đại viên cảnh cũng duyên với tánh Viên thành thật của Thắng nghĩa, vì tận cùng giới hạn sinh tử mà nội chứng Chân như. Đây là nói gương trí duyên với tự tướng-cộng tướng của tất cả pháp, vì tánh Y tha khởi và tánh viên thành thật đều làm cảnh, còn biến kế sở chấp chỉ là chỗ chấp nơi tâm vọng của phàm ngu, chứ không phải là cảnh của Thánh trí, cho nên không nói là duyên.

Như trong luận nói: Biến kế sở chấp chỉ là cảnh của trí phàm phu. Tánh Viên thành thật chỉ là cảnh của Thánh trí. Tánh Y tha khởi cũng là cảnh của trí phàm phu, cũng là cảnh của Thánh trí. Vì không có Thể tánh, cho nên biến kế sở chấp không phải là đối tượng chứng đắc của bậc Thánh.

Nếu như vậy thì Thánh trí không nhận biết hết thủy.

Tánh biến kế sở chấp kia đã là không có thì trí làm sao nhận biết được? Nếu biết là có thì trở thành điên đảo, còn nếu biết là không thì

không phải là biến kế sở chấp, vì tâm của tự tánh đã biến hiện, không thuộc về Y tha khởi.

Lý của Chân như không thuộc về Viên thành thật, cho nên Thánh trí tuy nhận biết là có, không, nhưng không duyên với tự tánh của biến kế sở chấp kia làm cảnh.

Nói tự tại, vì trí Đại viên cảnh có được là nhờ tu tập sáu đạo bỉ ngạn (đến bờ kia tức là Ba-la-mật), gồm đủ mười diệu dụng tự tại không bị ngăn ngại.

Tướng không cùng tận là tận cùng giới hạn sinh tử, vì thường còn, nối tiếp nhau không gián đoạn.

Tướng nghĩa là sở tướng, hoặc là năng tướng biểu thị cho tự Thể.

Như vậy, đã làm sáng tỏ tổng quát về trí Đại viên cảnh trong năm pháp trước.

Có nghĩa: Đây là hiển bày một phần tự tánh. Bốn trí ở quả vị Phật tức là một phần tự tánh trong sáu tướng.

Pháp công đức hữu vi tức là trí Đại viên cảnh. Do năng lực đối trị chuyển biến, dứt bỏ hết thảy nơi nương tựa thô nặng trong thức A-lại-da, chuyển thành tánh Y tha khởi thanh tịnh, xa lìa tất cả các tâm suy nghĩ phân biệt sở duyên và năng duyên đều bình đẳng, một sự bình đẳng không thể diễn nói. Vì pháp tánh duyên sinh không thêm, không bớt, cho nên chứng ngộ nội tại về hành tướng có khả năng biến hiện ảnh tượng của tất cả các pháp, có khả năng soi sáng khắp tất cả các cảnh không hề phân biệt.

Nói chung gọi là pháp trí, tức là trí Bình đẳng tánh. Do năng lực đối trị chuyển biến, dẹp bỏ mọi thứ chấp trước về chúng sinh và pháp trong mạt na thứ bảy, chuyển thành tánh Y tha khởi thanh tịnh, duyên vào gương trí bình đẳng và pháp giới thanh tịnh bình đẳng rất bình đẳng. Vì chứng ngộ nội tại về hành tướng, cho nên gọi là trí.

Sở duyên kia; tức là hai trí còn lại. Do năng lực đối trị chuyển biến loại bỏ sáu thức phân biệt của thế gian, chuyển thành tánh Y tha khởi thanh tịnh hoặc là xuất thế gian, hoặc là thế gian-xuất thế gian.

Trí hậu sở đắc đó sẽ duyên trong Chân như và pháp trí..., lấy tánh Y tha khởi làm cảnh giới, không chấp phân biệt giống như cảnh được duyên hiện khởi, phân biệt sở chứng-năng chứng tự nội tâm mình. Vì dùng pháp trí của Chân như đã nói trên kia làm sở duyên cho nên gọi là sở duyên kia.

Vì bốn trí có diệu dụng, không ngăn ngại như vậy, cho nên gọi là tự tại. Tận cùng giới hạn sinh tử, thường dùng không dứt, cho nên gọi

là không cùng tận. Trí Đại viên cảnh và trí Bình đẳng tánh, vì thường không gián đoạn cho nên gọi là không cùng tận. Trí Diệu quán sát và trí Thành sở tác, tuy có gián đoạn, nhưng tác ý tạm thời thì có khả năng hiện tiền, thường khởi hiện không cùng cho nên cũng gọi là không cùng tận.

Tướng, nghĩa là tướng của Thế đều từ duyên sinh, cho nên gọi là tánh Y tha khởi thanh tịnh, vì đều không điên đảo cho nên gọi là thanh tịnh.

Tánh Viên thành thật đều có sự sáng tỏ bên trong. Tác dụng của cảnh soi sáng giống như cảnh hiển hiện gọi là trí.

Các nghĩa như vậy có thể biểu thị cho tự Thế, cho nên gọi là tướng.

Kinh: “*Trí Chân như trùm khắp,
Tu tập chứng viên mãn*”.

Luận: Có nghĩa: Đây là làm sáng tỏ trí Bình đẳng tánh, nghĩa là khi quán sát hiện thực ở địa thứ nhất, chứng được trí bình đẳng không phân biệt này. Quán sát tất cả bình đẳng, Chân như bình đẳng. Về sau ở các địa lần lượt tu tập chuyển biến tốt đẹp, càng trở cho nên thanh tịnh, cho đến Phật địa chứng đắc viên mãn thanh tịnh tận cùng chứng ngộ pháp giới..., tất cả lý-sự đều hoàn toàn bình đẳng.

Như vậy, đã hiển bày về trí Bình đẳng tánh trong năm pháp trước.

Có nghĩa: Đây là chỉ rõ tướng nhân trong sáu tướng, là trí không phân biệt trong địa thứ nhất. Quán sát kiến đạo của pháp giới ban đầu có ba tâm đoạn, Kiến đạo đoạn một trăm mười hai phiền não căn bản và tùy phiền não cùng diệt. Kiến đạo không nhiễm vô minh, pháp chấp phân biệt, là một phần thô nhất mà làm sáng tỏ và tăng trưởng cho trí của pháp giới lúc đầu.

Từ đây về sau, đối với hết thảy các địa, trong phần vị tu đạo với trí không phân biệt, quán sát pháp giới Như như còn lại, hướng về tất cả các pháp môn kia, trong các phần vị Văn-Tư-Tu..., trí gia hạnh... và mọi phương tiện đều tu tập dần dần. Như vậy và như vậy tùy theo những pháp thích ứng của các địa, dần dần điều phục tu tập đoạn trừ mười sáu phiền não và tùy phiền não, tùy theo những pháp thích ứng dần dần diệt trừ do tu mà đoạn, không nhiễm vô minh cùng pháp chấp câu sinh.

Các phần còn lại đều làm sáng tỏ và tăng trưởng chủng tử của trí pháp giới khác. Do chủng tử làm nhân, cho đến Phật địa chứng được bốn trí của pháp giới viên mãn.

Kinh: “An lập chúng sinh hai,
Các chủng quả vô tận.”

Luận: Có nghĩa: Đây là chỉ rõ về trí Diệu quán sát. Nghĩa là diệu trí này có thể vì các chúng sinh giảng nói pháp mầu nhiệm. An lập chúng sinh và làm lợi ích yên vui, cho nên gọi là hạo. Ngay trong hai loại này có nhiều phẩm loại, cho nên gọi là các loại.

Hai việc như vậy, cùng tận giới hạn sinh tử, thường thực hiện không đoạn tuyệt, cho nên gọi là không cùng tận. Đây tức gọi là quả, là quả của trí. Như vậy, đã làm sáng tỏ về trí Diệu quán sát trong năm pháp trước.

Có nghĩa: Đây là hiển bày tướng của quả trong sáu tướng. Nghĩa là pháp giới thanh tịnh và bốn trí mầu nhiệm đều có khả năng an lập tất cả chúng sinh và làm lợi ích yên vui. Khuyên bảo chúng sinh tu tập nhân thiện gọi là lợi ích; khiến đạt được kết quả vui vẻ gọi là yên vui. Khuyên bảo chúng sinh xa rời điều ác, gọi là ích lợi, giúp họ thâm nhiếp điều thiện, gọi là yên vui. Lại nữa, cứu vớt nỗi đau khổ của chúng sinh, gọi là lợi ích; ban cho họ niềm vui, gọi là yên vui. Từ đời này đến đời khác, thế gian-xuất thế gian... cho nên biết cũng như vậy.

Vì phẩm loại rất nhiều, cho nên gọi là các chủng loại. Vì tận cùng thời gian vị lai, cho nên gọi là không cùng tận.

Các chủng loại với hai sự việc lợi ích-yên vui như vậy đều không cùng tận.

Pháp giới thanh tịnh và quả của bốn trí này, đều từ những loại trên mà phát khởi.

Kinh: “Thân-ngữ và tâm hóa,
Nghiệp phương tiện khéo léo”.

Luận: Có nghĩa: Đại ý hai câu tụng mà là chỉ rõ về trí Thành sở tác. Nghĩa là trí có khả năng khởi động sự giáo hóa của thân-ngữ-tâm tương xứng và tùy thuận với trình độ thích đáng, cho nên gọi là khéo léo. Vì gia hạnh không dứt, cho nên gọi là phương tiện. Đây chính là nghiệp. Hoặc là trí này còn có phương tiện khéo léo có thể khơi dậy ba nghiệp giáo hóa của thân-ngữ và tâm.

Như vậy, là chỉ rõ trí Thành sở tác trong năm pháp trước.

Có nghĩa: Câu tụng này chỉ rõ về tướng của nghiệp trong sáu tướng. Nghĩa là pháp giới thanh tịnh và bốn trí mầu nhiệm có thể khởi hiện ba nghiệp giáo hóa của thân-ngữ-tâm, cùng với nghiệp phương tiện khéo léo. Trí Thành sở tác khởi hiện ba loại nghiệp giáo hóa của thân-ngữ-tâm. Trí Diệu quán sát thì khởi động nghiệp thiện xảo, vì quán sát căn

cơ thích hợp rất khéo léo. Hai trí còn lại và pháp giới thanh tịnh đều khởi hiện nghiệp phương tiện, vì có thể tùy ý vận dụng làm phương tiện cho tất cả các nghiệp.

Thân giáo hóa có ba loại:

1. Tương ứng với tự thân: Nghĩa là tự thân hóa hiện làm đầy đủ hình tướng-chủng loại như Luân vương..., và hiện rõ tất cả các loại Bản sinh-Bản sự.

2. Tương ứng với thân người khác: Nghĩa là biến hóa Ma vương làm thân Phật... biến Xá-lợi-tử thành Thiên nữ..., dựa vào thân người khác thị hiện các loại hình tướng-chủng loại biến hóa.

3. Tương ứng với không phải thân: Nghĩa là biến hiện đại địa thành bảy loại châu báu... Hoặc hiện bày vô lượng Hóa thân Phật... Hoặc phóng ánh sáng chiếu rọi đến vô biên thế giới.

Các loại như vậy, rời ngoài thân mình và thân người hóa hiện làm thành các loại hình tướng-chủng loại sắc chất hữu tình và phi, và những sự việc như chấn động mặt đất-phát ra ánh sáng-gió thơm ngào ngạt..., đều làm lợi ích yên vui cho các hữu tình. Tất cả đều gọi là nghiệp Hóa thân của Phật.

Như vậy, ngữ giáo hóa cũng có ba loại:

1. Tương ứng với tự thân: Nghĩa là tự thân Phật hóa hiện tiếng nói của Phạm thiên, giảng nói khắp mọi nơi với các loại nghiệp ngữ trong vô biên thế giới...

2. Tương ứng với thân người khác: Nghĩa là khiến cho các đại đệ tử Thanh văn... dùng Phạm âm của Phật diễn nói các pháp Đại thừa sâu xa. Vì vậy, Thanh văn và các Bồ-tát nói không phải là phần pháp mẫu nhiệm thâm diệu của mình, mà đều là do Như Lai biến hóa nói ra, chứ không phải do tự lực của các Thanh văn, Bồ-tát kia.

3. Tương ứng với không phải thân: Nghĩa là hóa hiện các loại núi-biển-cỏ cây..., cho đến hư không, cũng phát ra âm thanh diễn nói về pháp Đại thừa... Như vậy, đều gọi là nghiệp ngữ biến hóa.

Tâm giáo hóa chỉ có hai:

1. Tương ứng với tự thân: Nghĩa là trên tự tâm, hóa hiện các loại hình tượng sai biệt của tâm và tâm pháp.

2. Tương ứng với thân người khác: Nghĩa là khiến cho tâm người khác cũng hóa hiện các loại ảnh tượng sai biệt của tâm và tâm pháp. Đây đều là tướng phần hiện bày tương tự với kiến phần.

Có nghĩa: Do năng lực của định có thể làm cho tự tâm nhận hiểu không phải là phần pháp, gọi là tự tâm hóa hiện. Gia bị cho hữu tình,

khiến kẻ ngu muội có thể hiểu được pháp sâu xa vi tế, khiến cho người mất chánh niệm có được sự nhớ nghĩ đúng đắn, gọi là tâm người khác hóa hiện. Nhưng tâm không hóa hiện, vì không có hình chất, như luận nói: Tâm không có hình tướng cho nên không thể biến hóa. Lại nói Hóa thân không có tâm-tâm pháp.

Đây là căn cứ vào Nhị thừa và sức định của hàng phàm phu mà nói. Sức định của họ yếu kém, không thể hóa hiện các pháp không có hình chất. Năng lực của định không thể nghĩ bàn của chư Phật và Bồ-tát đều có khả năng hóa hiện được hết thảy. Nếu không như vậy thì làm sao Đức Như Lai hóa hiện được tham-giận...? Làm thế nào hàng Thanh văn và Bồ-tát sinh..., đều biết được tâm của Như Lai? Làm sao như Kinh: Hóa hiện vô lượng chủng loại đều khiến có tâm? Làm sao như trên đây đã nói: Các nghiệp ý hóa hiện? Và làm sao như Kinh: Có tâm Y tha? Chỉ vì các sắc hóa hiện đều giống với sắc thật, căn hóa hiện cùng với tâm chỉ có tướng hiện khởi, không giống với tác dụng thật. Vả lại, vì căn cứ vào chủng loại thấp cho nên nói lời này. Nếu như vậy thì tại sao không hóa hiện loại phi tình, khiến cho tâm cùng hiện khởi? Phi tình đã là tướng phần của tâm..., làm sao lại khiến có tâm cùng hiện khởi? Nếu tâm cùng hiện khởi thì gọi là hữu tình, không phải thuộc về phi tình. Vì vậy tâm hóa hiện chỉ nói có hai loại như trước đã nói.

Trí Diệu quán sát có khả năng quán sát tự chứng ngộ môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa..., có thể quán sát căn cơ và tánh ham muốn..., của hữu tình, giảng nói thuốc pháp mẫu nhiệm, gọi là nghiệp thiện xảo.

Hai trí còn lại và pháp giới thanh tịnh làm nơi nương tựa cho các công đức, có khả năng khởi hiện đủ loại việc làm lợi ích cho hữu tình, gọi là nghiệp phương tiện.

Kinh: “*Định cùng môn tổng trì,
Thành tựu hai vô biên*”.

Luận: Có nghĩa: Câu tụng này chỉ rõ về công đức quyền thuộc đều thuộc về bốn trí.

Có nghĩa: Đây là làm sáng tỏ về tướng tương ưng trong sáu loại tướng. Môn định tức là tám vạn bốn ngàn môn Tam-ma-địa. Môn tổng trì tức là tám vạn bốn ngàn môn Đà-la-ni.

Hai loại như vậy, cùng làm phát sinh tất cả công đức hữu vi, cùng làm sáng tỏ hết thảy công đức vô vi, và cùng dẫn phát tất cả các tác dụng của thần lực làm mọi lợi ích cho chúng sinh, cho nên gọi là môn.

Hai Vô biên; là phước đức - trí tuệ trang nghiêm, trong đó, sai biệt có vô lượng loại. Tám vạn bốn ngàn phước đức-trí tuệ là do tu tập mà

thành tựu trải qua vô lượng kiếp, cho nên nói là vô biên.

Năm Ba-la-mật-đa trước gọi là phước đức, một Ba-la-mật-đa sau gọi là trí tuệ. Hoặc là tùy theo những quyển thuộc thích ứng với tự tánh, mỗi mỗi quyển thuộc đều có đủ cả hai.

Hai môn như vậy nhờ vào hai loại trang nghiêm, mỗi quyển thuộc đều đầy đủ trong bốn phẩm trí, luôn tương ứng với nhau, cũng vẫn dựa vào pháp giới thanh tịnh, cùng với pháp giới thanh tịnh không tách rời nhau, cho nên gọi là thành tựu.

Kinh: “*Pháp tự tánh thọ dụng,
Biến hóa, chuyển sai biệt*”.

Luận: Có nghĩa: Đây là nói rõ về năm pháp đã thành tựu ba thân sai biệt.

Có nghĩa: Đây là hiển bày về tướng sai biệt trong sáu loại tướng. Tuy các Đức Như Lai đều dựa vào pháp giới thanh tịnh với thể tánh không có sai biệt, nhưng vẫn có các loại tướng của ba thân được chuyển biến khác nhau cho nên gọi là sai biệt.

Pháp tự tánh, tức là thân tự tánh ban đầu của Như Lai, với Thể thường còn không thay đổi, cho nên gọi là tự tánh. Vì đã dựa vào các pháp công đức như mười lực, bốn pháp vô úy..., cũng gọi là Pháp thân. Thọ dụng tức là thân thọ dụng kế tiếp, có thể khiến mình và người đều được thọ dụng các nguồn vui của pháp vĩ đại.

Biến hóa tức là thân biến hóa sau, vì muốn đem lại lợi ích, yên vui cho chúng sinh, mà thị hiện các loại sự việc biến hóa.

Nghĩa của thể, nghĩa của nương dựa nghĩa của sự tích tụ các đức gọi chung là thân. Như vậy là giải thích tóm lược về danh nghĩa của ba thân.

Lại nữa, Pháp thân là hoàn toàn chuyển y lấy Chân như làm tướng, là chỗ dựa bình đẳng cho hết thảy pháp Phật, có khả năng khởi hiện mọi tác dụng tự tại, hết thảy tăng thượng duyên của pháp thiện đều được hiển bày. Tự tánh bình đẳng của tất cả Như Lai vi diệu rất, khó lường xét, diệt hết mọi phân biệt, chấm dứt mọi hý luận, cho nên Khế Kinh: Pháp thân của chư Phật không nên tâm tư, vì không phải là cảnh giới của tâm tư, siêu việt trên tất cả sự tâm tư-hý luận.

Thân thọ dụng là nhận hết thảy công đức viên mãn làm tướng, tất cả pháp Phật cùng nhau kết hợp mà thành, có khả năng phát khởi tất cả tác dụng tự tại, tất cả pháp thiện được tăng thượng đã khởi hiện.

Tất cả Như Lai đều có tự Thể riêng biệt vi diệu rất khó lường xét, trú trong cõi nước thuần tịnh, trong lành tự nhiên, cùng tận thời gian vị

lai, tự tiếp nhận nguồn vui của pháp, hiện bày các loại hình tướng, giảng nói đủ các loại pháp, khiến cho các Đại Bồ-tát cũng được tiếp nhận nguồn vui của pháp.

Thân biến hóa là lấy tất cả thân biến viên mãn làm tướng, tất cả tác dụng biến hóa cùng kết hợp mà thành, thị hiện tất cả tác dụng tự tại, tất cả tầng thượng duyên của pháp thiện đã dẫn phát. Tất cả Như Lai đều có tác dụng biến hóa riêng, vi diệu, khó lường xét, trú trong Tịnh độ hay cấu uế, hóa hiện các loại hình tướng, giảng nói các loại pháp, làm thành thực các Bồ-tát ở phần vị dưới và hàng Nhị thừa cùng mọi phàm phu, khiến cho ngộ nhập cảnh giới Đại thừa, ra khỏi ba cõi, rời bỏ các đường ác.

Như vậy đã giải thích tóm lược về tướng, dụng của ba thân.

Lại nữa, ba thân thuộc về năm pháp trước. Có nghĩa: Hai pháp trước thuộc về thân tự tánh, hai pháp giữa thuộc về thân thọ dụng, trí Thành sở tác thuộc về thân biến hóa.

Kinh: “Chân như là pháp thân”.

Luận: Chuyển biến, trừ bỏ thức A-lại-da đạt được thân tự tánh. Trí Đại viên cảnh chuyển từ thức thứ tám mà được. Cho nên biết, hai pháp trước thuộc về Thân tự tánh. Trong kinh này nói: Trí thành sở tác khởi hiện các nghiệp hóa. Luận Trang Nghiêm nói: “Trí thành sở tác đối với tất cả cảnh giới, phát khởi vô lượng sự việc biến hóa khó nghĩ bàn”. Nên biết một pháp sau là thuộc về Thân biến hóa.

Trí bình đẳng tánh như luận khác nói: Có khả năng ở nơi Tịnh độ tùy theo sự ưa thích của các Bồ-tát thị hiện các loại thân Phật.

Trí Diệu quán sát cũng như luận nói: Có khả năng hiện bày hết thấy tác dụng tự tại để thuyết pháp, đoạn trừ mọi sự nghi ngờ trong đại tập hội. Lại nói: Vì chuyển biến loại bỏ các chuyển thức, cho nên được Thân thọ dụng. Do đó biết hai pháp giữa thuộc về Thân thọ dụng.

Lại nữa, ba thân của Phật đều thuộc về trí thù thắng trong mười. nghĩa. Cho nên biết ba thân đều hiện rõ là có trí.

Có nghĩa: Một pháp đầu tiên thuộc về Thân tự tánh, tương ứng với tự tánh của bốn trí cùng có và Bồ-tát địa thượng đã hiện bày một phần tướng vi tế thuộc về Thân thọ dụng. Nếu là các Bồ-tát địa tiền đã hiện bày, thì một phần tướng thô hóa dụng thuộc về Thân biến hóa.

Các kinh đều nói: “Chân như thanh tịnh là Pháp thân”.

Luận Tán Phật nói: “Pháp thân của Như Lai là không sinh-diệt”.

Luận Trang Nghiêm nói: “Thân tự tánh của Phật, bản tánh là thường trú”.

Luận Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã nói: “Thọ trì diễn thuyết về công đức của kinh ấy, đối với Pháp thân Phật là nhân chứng đắc, đối với hai thân còn lại là nhân phát sinh.”

Các kinh-luận đều nói: “Chuyển y cuối cùng là Pháp thân. Chuyển y tức là Chân như thanh tịnh, không phải là đạo đối trị. Cho nên biết Pháp thân chỉ lấy Chân như của pháp giới thanh tịnh làm tánh”.

Luận Trang Nghiêm nói: “Trí Đại viên cảnh là thọ dụng của Phật”.

Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Chuyển các chuyển thức đạt được Thân thọ dụng. Tuy nhiên, nói chuyển bỏ thức A-lại-da mà được pháp thân, đó là nói chuyển bỏ chủng tử của hai chướng trong Thức thứ tám, làm sáng tỏ được Pháp thân thanh tịnh nhờ chuyển y, chứ không phải nói đến gương trí, vì nói gương trí là thọ dụng”.

Lại nữa, Thân thọ dụng lược nói có hai loại:

1. Tự thọ dụng: Thân này do tu tập trong ba vô số kiếp mà được thành tựu.

2. Tha thọ dụng: Là các Bồ-tát tiếp nhận nguồn vui của pháp, cho nên cùng có chung sự tương ứng với bốn trí và một phần hóa hiện làm Thân thọ dụng. Kinh, Luận đều nói: Hóa thân là hiện ra các loại hình tướng cho chúng sinh địa tiền. Đã là cảnh giới của chúng sinh được địa, cho nên biết không phải là công đức chân thật, mà chỉ là tác dụng của biến hóa.

Kinh-Luận chỉ nói trí Thành sở tác có khả năng khởi hiện nghiệp biến hóa chứ không phải là Hóa thân. Tuy là ba loại thân, nhưng thuộc về trí thù thắng, Pháp thân là chỗ dựa của trí để chứng ngộ. Hóa thân là diệu dụng được phát khởi của trí vì giống như trí hiện bày, cho nên giả nói là trí, cũng không có lỗi.

Ba thân như vậy thì Thân thọ dụng-biến hóa đã có sinh-diệt, tại sao Kinh: Thân của chư Phật thường trú? Vì hai thân dựa vào Pháp thân mà thường còn. Lại nữa, Thân thọ dụng và Thân biến hóa tuy có sinh-diệt, nhưng mà luôn thọ dụng nguồn vui của pháp, không dừng bỏ nửa chừng, đối với mười phương thế giới thường thường hiện khởi, biến hóa không đoạn tuyệt, như thường xuyên tiếp nhận niềm vui, như thường bố thí thức ăn cho nên gọi là thường.

Luận Trang Nghiêm nói: “Thường có ba loại:

1. Thường của bản tánh: Nghĩa là Thân tự tánh, vì tánh của thân này xưa nay là thường trú.

2. Thường do không đoạn: Nghĩa là Thân thọ dụng, vì luôn luôn

tiếp nhận nguồn vui của pháp, không hề gián đoạn.

3. Thường do nối tiếp nhau: Nghĩa là Thân biến hóa, biến mất rồi lại hiện ra, biến hóa không cùng tận.

Vì vậy, Pháp thân tuy đã tách rời mọi sự phân biệt-hý luận, nhưng không sinh-diệt, cho nên gọi là thường. Hai thân kia tuy có niệm niệm sinh diệt, nhưng dựa vào thân thường không gián đoạn và luôn nối tiếp nhau cho nên gọi là thường.

Kinh: Tất cả pháp sắc-thọ..., của Như Lai đều thường trú. Dựa vào đạo lý này cho nên không phải là không sinh-diệt, vì nó sinh khởi từ chủng tử vô lậu mà tu tập tăng trưởng. Sinh là đều diệt hoàn toàn, vì sắc-tâm đều thấy là vô thường, không hề thấy sắc-tâm nào là thường trú cả.

Ba thân như vậy, hình lượng thế nào? Pháp thân lấy Chân như thanh tịnh làm Thể. Chân như tức là thật tánh của các pháp. Pháp đã không có giới hạn thời gian, thì Pháp thân cũng như vậy trùm khắp bất cứ pháp nào, nơi nào cũng đều có. Như hư không, không thể nói hình tướng. Dùng lượng lớn-nhỏ là căn cứ theo hình tướng mà nói, còn pháp thân thì trùm khắp mọi nơi chốn.

Thân thọ dụng là có sắc và phi sắc. Phi sắc là các pháp không có hình chất. Cũng không thể nói về hình lượng lớn-nhỏ.

Nếu căn cứ vào thân nương tựa và cảnh đã được nhận biết, thì cũng có thể nói là bao trùm tất cả nơi chốn.

Sắc có hai loại:

1. Sắc thật.
2. Sắc biến hóa.

Nói sắc thật, là trải qua ba vô số kiếp, do nghiệp tu tập mà chiêu cảm được sắc thân với các tướng tốt... Chuyển biến sắc thân hữu lậu là năm căn..., được sắc tướng là năm căn..., vô lậu của Phật, với vô lượng tướng tốt trang nghiêm. Thân Phật trùm khắp pháp giới, tương xứng với Tịnh độ chân thật.

Nghiệp ở trong sinh tử có phần hạn, do thức A-lại-da mà biến hiện thân hình lớn-nhỏ không nhất định.

Lại như con người thuộc châu Thiệm-bộ ở cõi này, vì nghiệp thiện quá kém cho nên sắc thân đạt được dài nhất là bốn khuỷu tay. Nghiệp thiện của người thuộc châu Đông thắng thân hơn một bậc, cho nên thân dài tám khuỷu tay.

Nghiệp thiện như vậy dần dần thêm hơn hẳn, mà cảm được thân sắc với hình thể, dung lượng lớn dần. Cho đến cõi trời Sắc cứu cánh ở

cõi Sắc, chiêu cảm được sự thù thắng tốt bậc trong nghiệp sắc, mà có được sắc thân dài khoảng một vạn sáu ngàn du-thiện-na. Bồ-tát mười địa được huân tập và nuôi dưỡng do thiện căn vô lậu, cho nên thân hình được chuyển theo hưởng lớn dần, như kinh đã nói rộng.

Khi định Kim cang dụ hiện bày trước mắt, đã diệt trừ mọi chướng, cho nên uy lực của thiện căn là vô biên, cho nên đã chứng được sắc thân sung mãn pháp giới hiện hữu khắp Tịnh độ chân thật.

Vì tương ứng với Thức thanh tịnh, cho nên trí Đại viên cảnh đã biến hiện thân và cõi nước không hạn lượng. Thức của chư Phật biến hiện cùng nơi cùng lúc. Tướng thức của chư Phật giống nhau không gây chướng ngại nhau, cùng tận thời gian vị lai không hề gián đoạn.

Dựa vào thức thanh tịnh có thể khiến chư Phật thọ dụng sự vui mừng an lạc rộng lớn, vì thế gọi là thân-cõi thọ dụng.

Thân, cõi nước như vậy chỉ có Phật mới nhận biết, không phải là sự chứng đắc của Bồ-tát tại năm căn. Mỗi mỗi sắc căn có khả năng chứng đạt tất cả cảnh giới đã thọ nhận, không có gì chướng ngại. Vì vậy, từ tướng vô kiến đánh của chư Phật phát ra vô biên pháp âm, tất cả tác dụng của sắc căn đều không giới hạn mà hiện bày trùm khắp.

Nói sắc biến hóa là do sức của Bi nguyện biến hóa các loại thân, các loại tướng tốt đẹp, các loại tiếng nói, dựa vào các cõi nước với hình tướng-số lượng không nhất định, để giúp chúng Bồ-tát bước vào lĩnh vực Đại thừa.

Thân biến hóa cũng là do sức của bi, nguyện để giáo hóa các hữu tình thuộc địa tiền, mà hiện thân biến hóa chung cho cả sắc-phi sắc. Phi sắc tức là nghiệp ý biến hóa, tướng của các công đức như mười lực, bốn pháp Vô úy. Vì không có hình chất cho nên không có hình thể-dung lượng.

Sắc là nghiệp của thân ngữ biến hóa..., tùy lúc-tùy nơi-tùy sự thích hợp của mọi người mà biến hiện thân hình với số lượng không nhất định, như kinh đã nói rộng.

Ba thân như vậy, thì tất cả Như Lai là có sai biệt hay là không sai biệt? Tánh thật của Pháp thân thì hết thấy Như Lai đều cùng có, không hề có sai biệt. Dựa theo nhân của năng chứng vì có sai biệt, mà tạm nói là sai biệt. Hai thân còn lại, mỗi thân đều chiêu cảm với nhân riêng, với tự tánh riêng biệt cho nên thật có sai biệt. Nhưng không giữ lấy riêng biệt, cùng xứ sở tương tự với sự nghiệp mang làm lợi ích yên vui, bình đẳng cho nên nói là không sai biệt. Vì vậy mà nói: Tất cả chư Phật dựa vào sự nghiệp vui với ý thích làm nơi nương tựa, đối với ba loại thân

theo như thứ tự ấy mà nói là không sai biệt, pháp giới là nơi nương tựa không hề sai biệt ý thích mang lại niềm vui lợi ích không hề sai biệt cùng làm sự nghiệp không hề sai biệt.

Ba thân như vậy, mỗi thân đều có các công đức riêng biệt chẳng? Pháp thân thanh tịnh của Như Lai lấy Chân như chuyển y làm tướng, là điều thiện chân thật, có bản tánh thanh tịnh vì xa lìa tất cả các pháp tạp nhiễm, là nơi nương tựa của hết thảy công đức, là tánh chân thật của mọi công đức, cho nên gọi là đầy đủ tất cả công đức, không có công đức sai biệt của sắc-tâm.

Thân thọ dụng của Phật đầy đủ tất cả công đức chân thật của các pháp sắc-tâm, và vì người khác mà hiện bày công đức của tướng biến hóa.

Thân biến hóa của Phật chỉ đầy đủ mọi biến hiện công đức trong tướng biến hóa của sắc-tâm... Vì vậy, ba thân đều nói là đầy đủ số lượng công đức vượt quá số cát sông Hằng.

Tất cả Như Lai đã hóa độ các hữu tình là chung hay không chung?

Có nghĩa: Đồng chung. Bởi vì mỗi mỗi Đức Phật đều có thể hóa độ tất cả hữu tình với tất cả phước đức-trí tuệ đều bình đẳng, siêng năng tu tập thế nguyện trong ba vô số kiếp, cùng vì cứu độ tất cả chúng sinh và mong cầu Bồ-đề. Như nói: Một Đức Phật đã hóa độ hữu tình, tức là tất cả Phật hóa độ.

Có nghĩa: Không chung. Bởi vì các loài hữu tình được Phật hóa độ, vốn cùng hệ thuộc lẫn nhau. Vì vậy, vào thời Phật Đế-sa, Như Lai đã cùng với đức Từ Thị làm đệ tử Phật ấy. Phật Đế-sa quán xét hữu tình mà Đức Thích-ca giáo hóa có thiện căn thành thực trước, còn thiện căn của hữu tình mà đức Từ thị hóa độ về sau mới thành thực.

Lại nữa, Phật Đế-sa quán sát nhân hành của đức Từ Thị sẽ được viên mãn trước, còn Đức Thích-ca thì viên mãn sau. Như Lai Đế-sa liền nhập định Hỏa quang ở một chỗ, khiến Đức Thích-ca trông thấy, suốt bảy ngày bảy đêm không rời khỏi một bước, Đức Thích-ca dùng một bài tụng ca ngợi Phật Đế-sa cho nên Đức Thích-ca đã vượt qua và thành Phật trước Đức Từ Thị.

Lại nữa, khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, đã nói như vậy này: “Những người đáng được hóa độ, Ta đã hóa độ xong”.

Lại như Khế Kinh: Khi sắp nhập Niết-bàn, Đức Phật quán sát một nơi chốn đã hóa độ trong hiện tại, đó là Phi tướng phi phi tướng xứ, người ở đó sẽ sinh vào cõi này để nhận sự hóa độ của Phật, Ngài đã để

lại một Hóa thân ẩn trong cõi này. Thân hiện nhập Niết-bàn là thân đã được thọ nhận từ trước. Người từ cõi Phi tướng phi phi tướng xứ mất và sinh vào cõi này. Hóa thân của Đức Phật đã lưu lại sẽ giảng nói pháp nhiệm mầu khiến kẻ kia thành tựu quả vị A-la-hán, bấy giờ, hóa thân mới mất mà không hóa hiện nữa.

Lại nữa, nhiều nơi trong các kinh đều nói rõ năng hóa và sở hóa đều quyết định hệ thuộc nhau. Vì vậy, sự giáo hóa của chư Phật là không chung.

Nghĩa như thật, thì có chung và không chung. Từ vô thủy đến nay, chúng tánh trong pháp vốn như vậy mà hệ thuộc với nhau: Hoặc nhiều hóa thân hệ thuộc một hóa thân, hoặc một Hóa thân hệ thuộc với nhiều Hóa thân. Khi nhân của Bồ-tát làm thành thực cho các hữu tình, cũng không quyết định là hoặc chung-hoặc không chung, cho nên thành Phật rồi, hoặc hóa độ chung, hoặc hóa độ riêng.

Nếu chúng sinh được hóa độ, luôn luôn là chung thì đâu cần nhiều Đức Phật? Một Đức Phật có thể hóa độ tất cả chúng sinh, chỉ cần một Đức Phật thường trú nơi thế gian để giáo hóa chúng sinh, còn tất cả Đức Phật khác đều tùy ý vĩnh viễn nhập Niết-bàn. Đức Phật cũng không cần phải hóa độ các chúng sinh còn lại, khiến hưởng về Đại thừa, vì không có tác dụng, chỉ cần hóa độ các chúng sinh kia khiến đạt được ba Thừa, vĩnh viễn nhập tịch diệt vì dễ chứng đắc.

Vậy ai là người có trí mà bỏ cái dễ để chọn cái khó là đốt đèn giúp cho mặt trời? Vì vậy, cho nên chúng sinh được hóa độ không phải là luôn luôn đều chung. Nếu chúng sinh được hóa độ, luôn luôn là không chung, thì Bồ-tát không cần phải phát thệ nguyện sâu rộng, từng trải để phụng sự chư Phật, tu học Tô-đạt-na..., của Đại thừa, cũng không cần gần gũi nhiều bậc thiện tri thức và chư Phật, chẳng cần đem những gì mình đã hóa độ để giao phó dẫn dò Đức Phật sau.

Những sự việc như vậy đều trái ngược với nhau. Vì vậy không nên cho là luôn luôn không chung. Tuy mỗi Đức Phật đều có công năng hóa độ tất cả hữu tình, nhưng các hữu tình nếu không có duyên với Đức Phật thì họ không bằng lòng tiếp nhận sự hóa độ, cũng không trông thấy-không nghe biết. Tuy mỗi Đức Phật đều gắn bó cùng tận thời gian đời vị lai, ở mãi với thế gian, giáo hóa vô lượng các loại hữu tình, tùy thuận căn cơ thích hợp hiện bày các loại để hóa độ, hoặc thị hiện Đẳng giác, hoặc thị hiện Niết-bàn, hoặc gọi là Thích-ca, hoặc gọi là Từ Thị... Thuận theo một tướng hóa độ đối với các hữu tình đã được hóa độ mà nói là đều đã hóa độ xong.

Người sinh vào xứ Phi tướng, cần phải trông thấy tướng hóa độ của Đức Phật Thích-ca thì mới được hóa độ, cho nên Đức Phật để lại Hóa thân chờ đợi, cũng không trái ngược nhau. Nếu các Như Lai đều cùng một chủng loại được hóa độ thì Đức Phật nào hiện tiền mà hóa độ chúng sinh kia? Vì chư Phật đều có năng lực của Bi, nguyện, không thể một lần hóa độ mà các lần khác đều ngừng nghỉ. Chỉ vì có duyên với Phật, cùng một nơi chốn, cùng một thời gian, trên trí hậu đặc đều hiện bày một lần hóa độ.

Trạng thái đó giống như không chướng ngại nhau, lại cùng hòa hợp đan xen làm tăng thượng duyên, khiến thức của chúng sinh được hóa độ biến hiện như vậy. Nghĩa là trông thấy một Đức Phật, hiện thân thông hay giảng nói chánh pháp cho họ. Những sự kiện như vậy..., thì không thể nghĩ bàn được, không phải là lý Duy thức thì không thể hiểu rõ.

Lại nữa, Thân tự tánh tịch diệt, yên vui, chính là thuộc về công đức lợi mình, là tăng thượng duyên cho lợi ích của chúng sinh, cho nên gồm cả việc lợi người.

Hơn nữa, với hai thân ấy cùng làm lợi, vì đều là nơi nương tựa của công đức, thuộc về hai loại lợi ích.

Thân thọ dụng; có đủ hai phần:

1. Phần tự thọ nhận pháp lạc: Nghĩa là trong ba vô số kiếp, tu tập hạnh lợi mình đầy đủ mà chứng được thân thật như các sắc tướng..., khiến tự thọ dụng sự hỷ lạc vi diệu.

2. Phần khiến kẻ khác thọ nhận pháp lạc: Nghĩa là tu tập hạnh lợi người đầy đủ trong ba vô số kiếp, mà chứng được Hóa thân như các sắc tướng... vì nhập vào các chúng Bồ-tát thuộc cảnh giới Đại thừa, hiện bày các loại hình tướng, giảng nói các loại pháp, khiến cho các Bồ-tát tiếp nhận pháp lạc lớn. Do hai phần ấy, hoặc nói thân này chỉ thuộc về lợi mình, hoặc nói thân này chỉ thuộc về lợi người, hoặc nói thuộc về cả hai, đều không trái ngược nhau.

Thân biến hóa chỉ vì lợi tha mà hiện bày các tướng hóa độ, cho nên thuộc về lợi tha.

Ba thân như vậy có bốn phần, có thể làm thành bốn câu:

1. Thọ dụng không phải là biến hóa: Nghĩa là phần lợi mình thuộc thân thọ dụng thật.

2. Biến hóa không phải là thọ dụng: Nghĩa là thân biến hóa, vì hóa độ cho nhiều loại chúng sinh thuộc địa tiền, hoặc thô sơ, hoặc mầu nhiệm, hoặc khiến cho chúng sinh hoan hỷ, hoặc làm cho họ sợ hãi, đổi

thay không nhất định, chỉ gọi là biến hóa mà không gọi là thọ dụng, vì không cần phải làm cho tiếp nhận pháp lạc hiện tại.

3. Cũng thọ dụng mà cũng biến hóa: Nghĩa là vì Bồ-tát địa thượng đã hiện ra các Hóa thân, khiến cho các Bồ-tát được tiếp nhận pháp lạc, tùy thuận thời gian đổi thay chuyển biến không quyết định.

4. Không phải là thọ dụng cũng không phải là biến hóa: Là thân tự tánh.

Hoặc có chỗ nói Phật có hai loại thân:

1. Sinh thân.
2. Pháp thân.

Hoặc là thân tự tánh, hoặc là thân thọ dụng thật, đều gọi là pháp thân, là chỗ nương tựa của các pháp công đức, là các pháp công đức tích tập mà thành. Hoặc là thân biến hóa, hoặc là thọ dụng của người khác, đều gọi là sinh thân vì tùy sự thích ứng của chúng sinh mà thường thị hiện thọ sinh.

Lại nữa, kinh khác nói: Có mười loại Phật:

1. Phật hiện Đẳng giác.
2. Phật thệ nguyện rộng lớn.
3. Phật của nghiệp dị thực.
4. Phật trú trì.
5. Phật biến hóa.
6. Phật pháp giới.
7. Phật tâm.
8. Phật định.
9. Phật bản tánh.
10. Phật tùy thuận an lạc.

Năm Phật trước thuộc về thế tục. Năm Phật sau thuộc về Thắng nghĩa. Tùy theo những sự thích hợp mà thuộc về ba thân. Các loại như vậy..., tùy theo hình tướng, cho nên biết.

Kinh: “*Pháp giới tịnh như vậy,
Điều chư Phật đã nói*”.

Luận: Pháp giới thanh tịnh của Như Lai như vậy là chư Phật cùng thuyết giảng.

Phật Địa đầy đủ ba thân sai biệt với năm loại công đức. Hoặc nghĩa tướng của tự tánh có sáu câu.

Do bốn bài tụng này nói lược về tất cả công đức của Phật địa, và như trước đã nói rộng, cho nên biết gọi chung là Thánh giáo đã được nêu giảng.

Kinh: “Bấy giờ, Đức Bạc-già-phạm thuyết kinh này xong, Đại Bồ-tát Diệu Sinh..., các Đại Thanh văn, các chúng Trời-Người, A-tố- lạc..., ở thế gian, cùng tất cả đại chúng sau khi nghe Phật thuyết giảng, đều vô cùng hoan hỷ tin nhận và vâng làm”.

Luận: Trong đoạn kinh này chỉ rõ: Chúng hội nghe pháp, vâng làm theo lời Phật dạy.

Do tâm Bi và thệ nguyện trong Thức thanh tịnh của Phật mà dẫn phát, biến hiện tương tự diệu lực tăng thượng duyên của Khế kinh, lúc ấy thiện căn trong tự tâm của chúng hội đều được thành thực, giống như tướng Phật thể hiện. Nghĩa là nghe Phật giảng nói đều sinh tâm hoan hỷ-tin tưởng-tiếp nhận và vâng làm.

Các Thanh văn..., hoặc là do biến hiện hóa ra, hoặc là chân thật, hai cõi Thọ dụng và Biến hóa đều cùng một chốn.

Đồ chúng đã nghe pháp xong, mặc dù cùng được nghe như nhau, nhưng sự nhận thức đều khác nhau, mà không gây chướng ngại nhau. Trên cũng thấy dưới, dưới không thấy trên, nhưng tất cả đều thành tựu sự việc lợi ích và yên vui.

*Các câu-nghĩa thâm diệu Phật địa, Nay con tùy
phần đã lược giải, Công đức thí khắp các quần sinh
Nguyện mau chóng thành quả Vô thượng. Những ai viết
chép được sinh phước,
Sau được quả Đẳng lưu thắng thiện, Mong pháp nối
tiếp tận vị lai,
Lợi ích yên vui các hàm thức.*

